

Số: /TTr-BNV
(Dự thảo số 1
ngày 09/3/2026)

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ điểm 2.2 Mục II Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII¹: “Đối với khu vực công: Định kỳ thực hiện nâng mức tiền lương phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng, mức tăng trưởng kinh tế và khả năng của ngân sách nhà nước.”

- Căn cứ Mục 1 Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 của Bộ Chính trị²: “... tăng mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2026 đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang... theo Tờ trình của Đảng uỷ Chính phủ...”; Tại Tờ trình số 06-TTr/ĐU ngày 29/10/2025,³ Đảng uỷ Chính phủ đã trình Bộ Chính trị: “Tăng mức lương cơ sở từ 2.340.000 đồng/tháng lên 2.530.000 đồng/tháng (tăng khoảng 8%)”.

- Căn cứ tiết đ điểm 2 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội⁴: “Điều chỉnh một số loại phụ cấp, mức lương cơ sở, lương hưu,

¹ Về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

² Về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sau sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

³ Về Đề án tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sau sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

⁴ Về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV

trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 của Bộ Chính trị”.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024⁵ điều chỉnh tăng mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng (tăng 30%); bổ sung 10% Quỹ tiền thưởng từ ngày 01/7/2024 là một nỗ lực lớn của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ. Tuy nhiên, mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng chỉ bằng 56,12% mức lương tối thiểu vùng bình quân của khu vực doanh nghiệp, nên các mức lương khác trong hệ thống bảng lương của cán bộ, công chức, viên chức cũng thấp, dẫn đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang còn nhiều khó khăn.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thực hiện quy định của các pháp luật liên quan mới được sửa đổi như: Luật Cán bộ, công chức năm 2025; Luật Viên chức năm 2025,... một số nhóm đối tượng áp dụng tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP không còn phù hợp.

Từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định của Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở từ 2.340.000 đồng/tháng lên 2.530.000 đồng/tháng (tăng 8%) đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang là cần thiết, tạo động lực làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, góp phần cải thiện đời sống của người hưởng lương, phụ cấp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Thể chế hoá việc điều chỉnh mức lương cơ sở theo chủ trương tại Kết luận số 206-KL/TW; giữ nguyên chính sách về chế độ tiền thưởng, đồng thời, sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

⁵ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

- Phù hợp với chủ trương của Đảng tại Kết luận số 206-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; các quy định nhằm “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*”.

- Tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngày .../.../2026, Bộ Nội vụ có văn bản số .../BNV-TL&BHXH gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương. Ngày .../.../2026, Bộ Nội vụ có văn bản số .../BNV-CTL&BHXH gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định. Ngày .../.../2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP; Ngày .../.../2026, Bộ Nội vụ có Báo cáo số/BC-BNV tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với người hưởng lương, phụ cấp và chế độ tiền thưởng áp dụng đối với người hưởng lương làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu (cấp xã) và lực lượng vũ trang.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Người hưởng lương, phụ cấp áp dụng mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp xã quy định tại Điều 1 Luật Cán bộ, công chức;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 1 Luật Viên chức;

c) Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về

hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

d) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

đ) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân;

g) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

h) Hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Công an nhân dân;

1.2.2. Người hưởng lương quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g nêu trên (không bao gồm đối tượng hưởng phụ cấp, sinh hoạt phí) thuộc đối tượng áp dụng chế độ tiền thưởng.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 7 Điều với bộ cục giữ nguyên như bộ cục tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP. Qua rà soát, quy định tại dự thảo Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính, không có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới cần lồng ghép; không liên quan đến cam kết quốc tế; ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP. So với quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, dự thảo Nghị định có những nội dung sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung, lược bỏ như sau:

a) Điều 1 về Phạm vi điều chỉnh: Bỏ quy định liên quan đến cấp huyện để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

b) Điều 2 về Đối tượng áp dụng: Bỏ quy định về Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do đối tượng này sẽ kết thúc hoạt động trước thời điểm hiệu lực của Nghị định; Rà soát, cập nhật quy định mới liên quan đến các nhóm đối tượng còn lại.

c) Điều 3 về Mức lương cơ sở:

- Điều chỉnh mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2026.

- Rà soát, sửa đổi quy định đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương. Theo đó, đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương: Thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6 năm 2026 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6 năm 2026 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo cơ chế đặc thù thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

d) Điều 4 về Chế độ tiền thưởng

- Giữ nguyên chính sách tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về xử lý số dư quỹ tiền thưởng cuối năm để đảm bảo nguyên tắc quỹ tiền thưởng năm nào gắn với việc thưởng thành tích năm đó và tránh phát sinh các cách hiểu khác nhau trong thực hiện.

đ) Điều 5 về Kinh phí thực hiện

- Sửa đổi quy định về kinh phí thực hiện để phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, quy định cụ thể:

“1. Nguồn kinh phí của các Bộ, cơ quan trung ương:

a) Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2026 tăng thêm so với dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí;

c) Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

2. Nguồn kinh phí của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Sử dụng 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

b) Sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán các năm 2026, 2025, 2024 so với dự toán năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

c) Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao, gồm: 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng thêm so với năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với năm 2024 và 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2026 so với năm 2025;

d) Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang;

đ) Sử dụng kinh phí ngân sách địa phương tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương, chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

e) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

3. Ngân sách trung ương bổ sung nguồn kinh phí còn thiếu do điều chỉnh mức lương cơ sở và thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2026 cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi đã thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Nguồn kinh phí của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2): Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP

ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”

e) Điều 6 về Hiệu lực thi hành

g) Điều 7 về Trách nhiệm thi hành

- Tại điểm b khoản 3 về trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bổ sung nội dung: “trong thời gian các cơ quan, đơn vị này chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù” để làm rõ thời gian thực hiện trách nhiệm hướng dẫn việc chi tiền lương và thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương do các cơ quan, đơn vị này đang thực hiện theo Thông báo số 1970/TB-VPQH ngày 10/6/2025 của Văn phòng Quốc hội⁶.

4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp

Quy định tại dự thảo Nghị định không có nội dung về thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp.

5. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết trong dự thảo Nghị định

(Cập nhật theo ý kiến các bộ, ngành, cơ quan)

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO GỬI THẨM ĐỊNH

(Cập nhật theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn lực về tài chính

Trong quá trình xây dựng Tờ trình số 06-TTr/ĐU ngày 29/10/2025, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tài chính để đánh giá, đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện quy định của dự thảo Nghị định.

2. Nguồn lực về con người

Việc xây dựng Nghị định và tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân sự.

3. Thời gian trình ban hành Nghị định

Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁶ Tại điểm 3 Thông báo số 1970/TB-VPQH ngày 10/6/2025 của Văn phòng Quốc hội về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước: “**Rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý theo thẩm quyền ban hành cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù; báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, trình Quốc hội việc sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đối với các văn bản khác thực hiện đúng nguyên tắc cơ quan nào ban hành thì cơ quan đó có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung**”

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Bộ Nội vụ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định số ...; (2) Báo cáo số ... của Bộ Nội vụ tổng kết việc thi hành pháp luật về mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (6) Bản chụp ý kiến tham gia của các bộ, ngành; (7) Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... của Bộ Tư pháp; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định số... của Bộ Nội vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Tư pháp;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CTL&BHXH.(HThT)

BỘ TRƯỞNG